

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2021

V/ v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Dung.

2. Ông Đinh Thanh Hải.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**  
Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1973. (Có mặt)

HKTT: Xóm C (nay là xóm C.S), xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Chị Ma Thị D, sinh năm 1974. (vắng mặt)

HKTT: Xóm C (nay là xóm C.S), xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan (không rõ địa chỉ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ma Thị D có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào năm 1999, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến khoảng năm 2002, vì gia đình kinh tế khó khăn nên hai vợ chồng thống nhất cho chị D đi lao động xuất khẩu để kiếm thêm thu nhập. Chị D đi lao động ở Đài Loan từ năm 2003, đến năm 2009 chị có về nước một thời gian, đến năm 2010 chị lại tiếp tục sang Đài Loan lao động xuất khẩu. Từ năm 2010 đến nay, chị D không về Việt Nam lần nào. Lúc mới sang, giữa hai vợ chồng còn giữ liên lạc với nhau được hơn một năm, đến năm 2011 thì vợ chồng ít liên lạc dần và sau đó chấm dứt không còn liên lạc với nhau nữa. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của chị D, anh xác định sau năm 2010 chị D đã không cho anh biết, gia đình của chị D cũng không biết địa chỉ của

chị ở đâu. Do chị D không liên lạc gì với anh nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Anh xác định, chị D đã không có trách nhiệm gì với gia đình, bỏ mặc anh và các con không quan tâm, chị cũng cắt đứt sự liên lạc với anh hơn 10 năm nay, để phải anh tự lo cuộc sống, giữa vợ chồng tình cảm yêu thương nhau không còn thì nên giải phóng cho nhau, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Ma Thị D1 sinh năm 2000 (hiện cháu đã trưởng thành) và Ma Thị Thùy M, sinh ngày 16/6/2008 hiện đang ở cùng anh tại Xóm C (nay là xóm C.S), xã P, thành phố T. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con Ma Thị Thùy M và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Còn con Ma Thị D1 đã trưởng thành, con ở với ai là quyền lựa chọn của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 19/8/2021 và ngày 26/8/2021 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Ma Văn H là anh trai ruột của chị Ma Thị D (bố mẹ đẻ của chị D đều đã chết), xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, ông đã có thông tin cho chị D được biết việc anh T đang yêu cầu xin ly hôn với chị tại Tòa án tỉnh Thái Nguyên, tuy nhiên chị D không có quan điểm gì trao đổi lại với ông. Đối với các lời khai của anh T về thời gian kết hôn, con chung như anh T đã khai là đúng. Cháu lớn Ma Thị D đã trưởng thành, hiện cháu đã sang Đài Loan ở gần với chị D và cháu cũng thường xuyên liên lạc về với ông và em là M. Đối với cháu Ma Thị Thùy M, hiện đang được anh T chăm sóc và nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: ông không biết, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 01/9/2021 đối với cháu Ma Thị Thùy M, có sự chứng kiến của bà Lê Thị Thái H (hiệu trưởng trường Trung học cơ sở PX, thành phố T) và anh Trần Văn T (bố đẻ), cháu M cho biết: Mẹ cháu là Ma Thị D và chị gái là Ma Thị D1 vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với cháu. Mẹ cháu đã biết việc bố gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn, nhưng mẹ cháu không muốn ly hôn vì còn liên quan đến tài sản nên không muốn Tòa án giải quyết và từ chối đưa ra ý kiến. Bản thân cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố (T) nếu bố mẹ phải ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị D; Giao cháu Ma Thị

Thùy My, sinh năm 2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D vì anh T không yêu cầu, con chung Ma Thị D đã trưởng thành, không phải giải quyết; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 5874/CAT(PA01/XNC) ngày 14/7/2021 của Công an tỉnh Thái Nguyên, xác định chị Ma Thị D đã xuất cảnh ngày 20/12/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên,.

Nguyên đơn anh Trần Văn T chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị D ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của chị D ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua các đại diện thân nhân của chị D (là anh trai Ma Văn H và con gái Ma Thị Thùy M), đã có đủ căn cứ xác định chị D vẫn liên lạc về Việt Nam, nhưng địa chỉ cụ thể của chị D ở Đài Loan thì gia đình không ai biết và cũng không cung cấp được cho Tòa án như đã yêu cầu. Chị D không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án, tuy nhiên chị đã biết được việc Tòa án tỉnh Thái Nguyên đang giải quyết đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn giữa anh T và chị, chị không thể hiện quan điểm là do không muốn ly hôn vì liên quan đến phần tài sản chung của vợ chồng. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung:** Anh Trần Văn T và chị Ma Thị D kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hoàn tự nguyện, không bị ép buộc, nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh T khai lý do xin ly hôn là do chị D đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài (Đài Loan) từ năm 2010 đến nay không về Việt Nam lần nào, bỏ mặc anh và các con không quan tâm. Từ năm 2011, thì chị D đã cắt đứt hoàn toàn liên lạc với anh, chỉ giữ liên lạc với các con, nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài để liên hệ, cũng như cung cấp cho Tòa án. Anh xác định tình cảm giữa vợ chồng đã không còn thì giải phóng cho nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D. Phía bị đơn chị D, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (anh trai cả của chị D và con gái), xác định được vợ chồng chị không còn liên lạc với nhau gần 10 năm nay, chị cũng

rất ít khi liên lạc về cho gia đình, địa chỉ của chị ở Đài Loan chị cũng không cho ai biết. Hiện hai vợ chồng không còn yêu thương nhau, anh T xin ly hôn chị đã biết nhưng chị cũng không có ý kiến và thông tin gì là vì còn vướng mắc về tài sản chung nên không muốn ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, anh T và chị D đã chấm dứt quan hệ vợ chồng hơn 10 năm. Tình cảm yêu thương, sự quan tâm chia sẻ giữa vợ chồng dành cho nhau là không có, việc tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc như mong muốn, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị D là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh T và chị D có 02 con chung, là Ma Thị D1 và Ma Thị Thùy M. Đối với cháu D1 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết. Đối với cháu Ma Thị Thùy M, sinh ngày 16/6/2008, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng và thông qua đại diện thân nhân của chị D, chị D không có ý kiến gì. Mặt khác, chị D đang ở nước ngoài, không có mặt ở Việt Nam. Do vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung là Ma Thị Thùy M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp với thực tế, đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ma Thị Thùy M (được thể hiện tại bản tự khai ngày 21/7/2021) và các quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, chị D được biết nhưng cũng không có ý kiến gì. Do vậy tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị D vì anh T không yêu cầu. Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị D không có lời khai bằng văn bản, nhưng ý kiến, quan điểm của chị D thể hiện thông qua thân nhân thì chị cũng không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có đơn yêu cầu.

[3] Án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Văn T. Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Ma Thị D.

2. Về con chung: Con chung là Ma Thị D1, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) nên không giải quyết. Giao con chung là Ma Thị Thùy M, sinh ngày 16/6/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu My đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị D do anh T không yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có đơn yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000037 ngày 19/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thủy**

